

UBND TỈNH GIA LAI
UBND XÃ TUY PHƯỚC

DỰ TOÁN CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025
ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY
Mã ĐVQHNS:1145002

(Kèm theo Quyết định số 1091 /QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Tuy Phước)

ĐVT: trđ

S TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
I	Nguồn tự chủ (13)				4.243,871
1	1. Tiền lương, phụ cấp				3.351,348
	Tổng số lượng trong biên chế (09 CBKCT)	28			
	- Tổng tiền lương, phụ cấp		108,950	2,340	1.529,658
	- Tổng các khoản trích theo lương		64,150	2,340	900,666
	- Chi phụ cấp bí thư chi bộ		59,000	2,340	828,360
	- Chi phụ cấp BCH Đảng bộ		6,600	2,340	92,664
2	2. Chi hoạt động				407,997
	Mức chi CBCC cấp huyện cũ (26,3)		15,000	11,835	177,525
	Mức chi CBCC cấp xã cũ (19,5)		8,000	8,775	70,200
	Mức chi CBKCT cũ (11,52)		8,000	5,184	41,472
	Chi định mức xăng xe		6,000	12,000	72,000
	Chi hỗ trợ hợp đồng lái xe	1,00	6,000	7,800	46,800
3	3. Chi trung tâm chính trị				484,526
	- Chi tiền lương				262,144
	Tổng biên chế	3			
	Tổng hệ số lương và phụ cấp	16,16			
	Tổng tiền lương				226,886
	Tổng các khoản trích theo lương				35,258
	-Chi hoạt động				35,505
	Mức chi CBCC cấp huyện cũ (26,3)		3	12	35,505
	- Chi mở lớp Đảng viên mới (100 HV)				46,040
	Tiền ăn học viên	Học viên	100	0,35	35,000
	Tiền nước uống học viên	Học viên	100	0,01	1,400
	Tiền nước uống giảng viên	Buổi	14	0,01	0,140
	Tiền in giấy chứng nhận	Giấy	100	0	5,000
	Tiền khai giảng, bế mạc,..				4,500
	- Kinh phí mở lớp đối tượng đảng (1)				28,900
	Tiền ăn học viên	Học viên	80	0,250	20,000
	Tiền nước uống học viên	Học viên	80	0,010	0,800
	Tiền nước uống giảng viên	Buổi	10	0,010	0,100
	Tiền in giấy chứng nhận	Giấy	80	0,050	4,000
	Tiền khai giảng, bế mạc,..				4,000

	- Kinh phí mở lớp đối tượng đảng (2)				28,900
	Tiền ăn học viên	Học viên	80	0,250	20,000
	Tiền nước uống học viên	Học viên	80	0,010	0,800
	Tiền nước uống giảng viên	Buổi	10	0,010	0,100
	Tiền in giấy chứng nhận	Giấy	80	0,050	4,000
	Tiền khai giảng, bế mạc,..				4,000
	- Chi tiền mua giấy photo, kiểm tra	Tờ	1.000	0,0012	1,200
	- Chi tiền mua sách photo tài liệu				1,000
	- Chi tiền mua phôi chứng nhận	Phôi	1.000	0,005	5,000
	- Chi tiền thưởng				33,836
	- Chi tiền dạy thêm giờ				42,000
II	Nguồn không tự chủ (12)				1.448,000
	Các khoản chi khác				1.448,000
	- Chi Đại hội Đảng bộ				1.250,000
	Nguồn tỉnh hỗ trợ				550,000
	Nguồn huyện hỗ trợ				300,000
	Nguồn cân đối của xã				400,000
	- Chi đặt báo				108,000
	Bổ sung chi hoạt động từ nguồn cân đối của xã				90,000
III	Nguồn tiền thưởng (18)				206,837
	Tổng hệ số lương chính x mức lương cơ bản x 12 tháng x 10%		73,660	2,340	206,837
	Tổng cộng				5.898,708